

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**



BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN
TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA**

Giảng viên hướng dẫn	: TH.S NGUYỄN NHƯ NGUYỆT
Sinh viên thực hiện	: NGUYỄN THỊ THANH TỊNH
Lớp	: 17KD15.1

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2025

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chuyên đề báo cáo thực tập này trước tiên em xin gửi đến các quý thầy, cô giáo trường Cao Đẳng Thương Mại lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất. Đặc biệt, em xin cảm ơn cô Nguyễn Như Nguyệt khoa Kế toán – Tài chính - người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề báo cáo này bằng tất cả tâm huyết và sự nhiệt tình. Đồng thời, em cũng xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo và các anh chị cán bộ, nhân viên bộ phận kế toán của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa đã chỉ bảo ân cần, tận tâm, cung cấp những số liệu thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho em được tìm hiểu thực tiễn trong suốt quá trình thực tập tại Công ty. Em cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đến ban lãnh đạo của Trường Cao Đẳng Thương Mại và các Khoa, Phòng ban chức năng đã tạo cho em có cơ hội được thực tập nơi mà em yêu thích, cho em bước ra đời sống thực tế để áp dụng những kiến thức mà các thầy cô giáo đã giảng dạy. Qua công việc thực tập này em nhận ra nhiều điều mới mẻ và bổ ích trong việc kinh doanh để giúp ích cho công việc sau này của bản thân. Thế nhưng do thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế không quá dài, kiến thức bản thân còn hạn chế, bước đầu làm quen với thực tế nên trong quá trình thực tập, hoàn thiện đề tài không tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết, kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo và các anh chị trong bộ phận kế toán của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa. Em xin chân thành cảm ơn!

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2025

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Thanh Tịnh

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa.....	19
Bảng 2.2: Hóa đơn GTGT số 243.....	20
Bảng 2.3: Giấy báo nợ.....	21
Bảng 2.4: Hóa đơn GTGT số 60.....	22
Bảng 2.5: Phiếu chi CM003/11.....	22
Bảng 2.6: Sổ nhật ký chung.....	29
Bảng 2.7: Sổ cái TK 154.....	30
Bảng 2.8: Sổ cái TK 331.....	31
Bảng 2.9: Sổ cái TK 112.....	32
Bảng 2.10: Sổ chi tiết TK 154.....	33
Bảng 2.11: Sổ chi tiết TK 331.....	34
Bảng 2.12: Bảng tổng hợp TK 331.....	35

DANH MỤC HÌNH VẼ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán mua hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán mua hàng theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	10
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán phải trả người bán.....	10
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa.....	14
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa.....	15
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán phần mềm kế toán tại Công ty.....	16
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán mua hàng và Phải trả người bán của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa.....	20

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TK	Tài khoản
3	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
4	MTV	Một thành viên
5	BTC	Bộ Tài Chính
6	BCTC	Báo cáo tài chính
7	TT	Thông tư
8	DN	Doanh nghiệp
9	KKĐK	Kiểm kê định kỳ
10	BĐS	Bất động sản
11	TSCĐ	Tài sản cố định
12	TM	Thương mại
13	DV	Dịch vụ

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU	ii
DANH MỤC HÌNH VẼ	ii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	iii
MỤC LỤC	v
LỜI MỞ ĐẦU	vii
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN.....	1
1.1. Cơ sở lý thuyết về kế toán mua hàng và phải trả người bán.....	1
1.1.1. Khái niệm, nội dung mua hàng và phải trả người bán	1
1.1.1.1. Khái niệm mua hàng.....	1
1.1.1.2. Khái niệm phải trả người bán	1
1.1.2 Nguyên tắc kế toán mua hàng và phải trả người bán	1
1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán mua hàng	1
1.1.2.2. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán	1
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán mua hàng và phải trả người bán	3
1.1.3.1. Nhiệm vụ kế toán mua hàng	3
1.2. Nội dung kế toán mua hàng và phải trả người bán.....	3
1.2.1. Tiếp nhận; Lập chứng từ kế toán	3
1.2.1.1 Tiếp nhận	3
1.2.1.2. Lập chứng từ kế toán.....	3
1.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	4
1.2.3. Trình tự kế toán (sơ đồ hạch toán).....	9
1.2.4. Lập sổ kế toán.....	10
CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA	12
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa	12
2.1.1. Thông tin chung	12
2.1.1.1. Quá trình thành lập Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa	12
2.1.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa.....	12
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán và hình thức kế toán	14
2.1.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý.....	14

2.1.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán.....	15
2.1.2.3. Hình thức kế toán tại đơn vị.....	15
2.1.3. Lĩnh vực hoạt động.....	17
2.1.4. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh (Báo cáo kết quả kinh doanh năm gần nhất)	19
2.2. Thực trạng kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa	19
2.2.1. Quy trình kế toán mua hàng và phải trả người bán của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa.....	19
2.2.2 Thực trạng kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa.....	20
2.2.2.1. Tiếp nhận, lập chứng từ kế toán.....	20
2.2.2.2 Tài khoản kế toán sử dụng.....	22
2.3. Nhận xét.....	35
2.3.1. Về chấp hành chế độ, chính sách kế toán.....	35
2.3.2. Về phân công nhiệm vụ	36
2.3.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán	36
CHƯƠNG III: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH QUÝ DANH NGHĨA...	37
3.1. Những điểm giống và khác nhau giữa lý thuyết và thực tiễn về kế toán mua hàng và phải trả người bán.....	37
3.1.1. Những điểm giống nhau	37
3.1.2. Những điểm khác nhau.....	37
3.2. Bài học kinh nghiệm của bản thân khi thực hiện kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH Quý Danh Nghĩa	37
3.2.1. Về kiến thức	37
3.2.2. Về kỹ năng.....	37
3.2.3. Về thái độ	37
3.3. Đề xuất, kiến nghị với nhà trường khi tổ chức giảng dạy	37
TÀI LIỆU THAM KHẢO	39

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường và nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống, ngành nội thất tại Việt Nam đã trở thành một trong những lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định. Các doanh nghiệp sản xuất và thi công nội thất không chỉ đáp ứng nhu cầu về công năng, mà còn mang đến những giải pháp thẩm mỹ hiện đại, sáng tạo, phù hợp với xu hướng kiến trúc mới. Nhu cầu về nhà ở, văn phòng, cửa hàng kinh doanh, công trình dịch vụ ngày càng đa dạng kéo theo sự phát triển mạnh của ngành nội thất. Người tiêu dùng hiện nay không chỉ quan tâm đến chất lượng sản phẩm mà còn chú trọng đến thiết kế đồng bộ, tối ưu không gian và thể hiện phong cách sống. Vì vậy, các doanh nghiệp nội thất luôn phải đổi mới công nghệ, nâng cao tay nghề, cải tiến quy trình sản xuất và thi công để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong quá trình tìm hiểu cơ sở và đề tài thực tập, em đã quyết định chọn Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa với chuyên đề nghiên cứu “ Kế toán mua hàng và phải trả người bán”. Đề tài được chia làm 3 phần:

Chương I: Tổng quan về kế toán mua hàng và phải trả người bán

Chương II: Tình hình thực tế công tác kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

Chương III: Bài học kinh nghiệm về kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

1.1. Cơ sở lý thuyết về kế toán mua hàng và phải trả người bán

1.1.1. Khái niệm, nội dung mua hàng và phải trả người bán

1.1.1.1. Khái niệm mua hàng

Mua hàng là nghiệp vụ mở đầu cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đây là giai đoạn đầu tiên của quá trình lưu chuyển hàng hoá, là quan hệ trao đổi giữa người mua và người bán về trị giá hàng hoá thông qua quan hệ phải trả người bán, là quá trình vốn doanh nghiệp chuyển hoá từ hình thái tiền tệ sang hình thái hàng hoá. Doanh nghiệp nắm được quyền sở hữu về hàng hoá nhưng mất quyền sở hữu về tiền tệ. Hay nói cách khác bên mua phải có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng cho nhà cung cấp và nhận hàng theo hợp đồng.

1.1.1.2. Khái niệm phải trả người bán

Phải trả người bán là sự chuyển giao tài sản của bên mua (cá nhân hoặc Công ty, tổ chức) cho bên bán, thường được sử dụng khi trao đổi hàng hóa. Tiền là phương tiện thực hiện trao đổi hàng hóa, đồng thời là việc kết thúc quá trình trao đổi.

1.1.2 Nguyên tắc kế toán mua hàng và phải trả người bán

1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán mua hàng

- Phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Áp dụng đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.
- Giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào phải thực hiện theo nguyên tắc giá gốc.
- Trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, doanh nghiệp phải tổ chức kiểm kê hàng tồn kho vào cuối kỳ kế toán để xác định số lượng và giá trị của từng nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá, sản phẩm, công cụ, dụng cụ tồn kho đến cuối kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho xuất vào sử dụng và xuất bán trong kỳ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ: Khi mua nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá, căn cứ vào hoá đơn mua hàng, Hoá đơn vận chuyển, phiếu nhập kho, thông báo thuế nhập khẩu phải nộp (hoặc biên lai thu thuế nhập khẩu,...) để ghi nhận giá gốc hàng mua vào. Khi xuất sử dụng, hoặc xuất bán chỉ ghi một lần vào cuối kỳ kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê.
- Kế toán phải mở sổ chi tiết để hạch toán giá gốc hàng tồn kho mua vào theo từng thứ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá.

1.1.2.2. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán

- Phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của DN cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính

theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ.

- Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- + Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- + Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- + Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi DN thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

- Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán mua hàng và phải trả người bán

1.1.3.1. Nhiệm vụ kế toán mua hàng

- Theo dõi, ghi chép và phản ánh kịp thời, chính xác những chỉ tiêu mua hàng về số lượng, chủng loại, quy cách và thời điểm ghi nhận mua hàng
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc mua hàng để thực hiện tốt kế hoạch mua hàng theo từng nguồn hàng, từng nhà cung cấp, từng đơn đặt hàng với người bán và tình hình thanh toán với nhà cung cấp.
- Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho lãnh đạo doanh nghiệp để mức dự trữ có thể được dự trù và xác định một cách hợp lý nhất.

1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán phải trả người bán

- Ghi nhận và theo dõi, phân tích, đánh giá các khoản phải trả cũng như đưa ra những phương pháp ý kiến cho các cấp quản lý để từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn nhất trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đối chiếu và xác nhận, tính toán - ghi chép, phản ánh một cách kịp thời chính xác, đầy đủ từng khoản nợ phải trả theo từng đối tượng về số nợ phải trả, nợ đã thu – nợ đã trả hay số nợ còn phải thu – phải trả.
- Kiểm tra, rà soát giám sát chặt chẽ việc chấp hành các chế độ chuẩn mực và các quy định pháp luật về quản lý những khoản nợ phải trả.
- Tổng hợp cũng như xử lý thanh toán về tình hình công nợ hiện đang trong hạn, đang đến hạn, quá hạn hay những công nợ có khả năng khó thu, khó trả,... Để từ đó quản lý công nợ được tốt hơn, góp phần cải thiện được tình hình tài chính của Công ty một cách hiệu quả và ổn định.

1.2. Nội dung kế toán mua hàng và phải trả người bán

1.2.1. Tiếp nhận; Lập chứng từ kế toán

1.2.1.1 Tiếp nhận

- Hợp đồng kinh tế (Hợp đồng mua bán hàng hóa)
- Hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào
- Phiếu xuất kho của bên bán hàng.
- Biên bản bàn giao hàng hóa.
- Giấy báo nợ

1.2.1.2. Lập chứng từ kế toán

- Bảng kê mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Phiếu nhập kho vật liệu, hàng hóa
- Phiếu chi: đối với hóa đơn có tổng giá thanh toán dưới 20 triệu đồng

- Ủy nhiệm chi hoặc chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: đối với hóa đơn có tổng giá thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên
- Chứng từ thanh toán cho người bán

1.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng

+ TK 151: Hàng mua đang đi đường

a. Công dụng: Tài khoản kế toán 151 phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư (nguyên liệu, vật liệu; công cụ, dụng cụ; hàng hóa) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi, kho ngoại quan hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

b. Kết cấu và nội dung:

Nợ	TK151	Có
- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường - Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).		- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng - Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).
Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho doanh nghiệp)		

+ TK 156: Hàng hóa

a. Công dụng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hoá bất động sản.

b. Kết cấu và nội dung:**Nợ****TK156****Có**

-Trị giá mua vào của hàng hoá theo hoá đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại); – Chi phí thu mua hàng hoá; – Trị giá của hàng hoá thuê ngoài gia công (Gồm giá mua vào và chi phí gia công); – Trị giá hàng hoá đã bán bị người mua trả lại; – Trị giá hàng hoá phát hiện thừa khi kiểm kê; – Kết chuyển trị giá hàng hoá tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ); – Trị giá hàng hoá bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.	– Trị giá của hàng hoá xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc; thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh; – Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá đã bán trong kỳ; – Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng; – Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng; – Trị giá hàng hoá trả lại cho người bán; – Trị giá hàng hoá phát hiện thiếu khi kiểm kê; – Kết chuyển trị giá hàng hoá tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ); – Trị giá hàng hoá bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.
Số dư bên Nợ: – Trị giá mua vào của hàng hoá tồn kho; – Chi phí thu mua của hàng hoá tồn kho.	

+ TK 611: Mua hàng

a. Công dụng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Tài khoản 611 "Mua hàng" chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

b. Kết cấu và nội dung:**Nợ****TK 611****Có**

- Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ.

- Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ).
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

+ TK 331: Phải trả người bán

a. Công dụng: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính...

b. Kết cấu và nội dung:**Nợ****TK 331****Có**

- Số tiền đã thanh toán cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, hoặc khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền được người bán đồng ý giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán đồng ý giảm trừ vào khoản nợ phải trả;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém chất lượng khi kiểm nhận và trả lại người bán.

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính và giá thực tế của vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức;
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (khi tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng

a. Công dụng: Tài khoản dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

b. Kết cấu và nội dung:

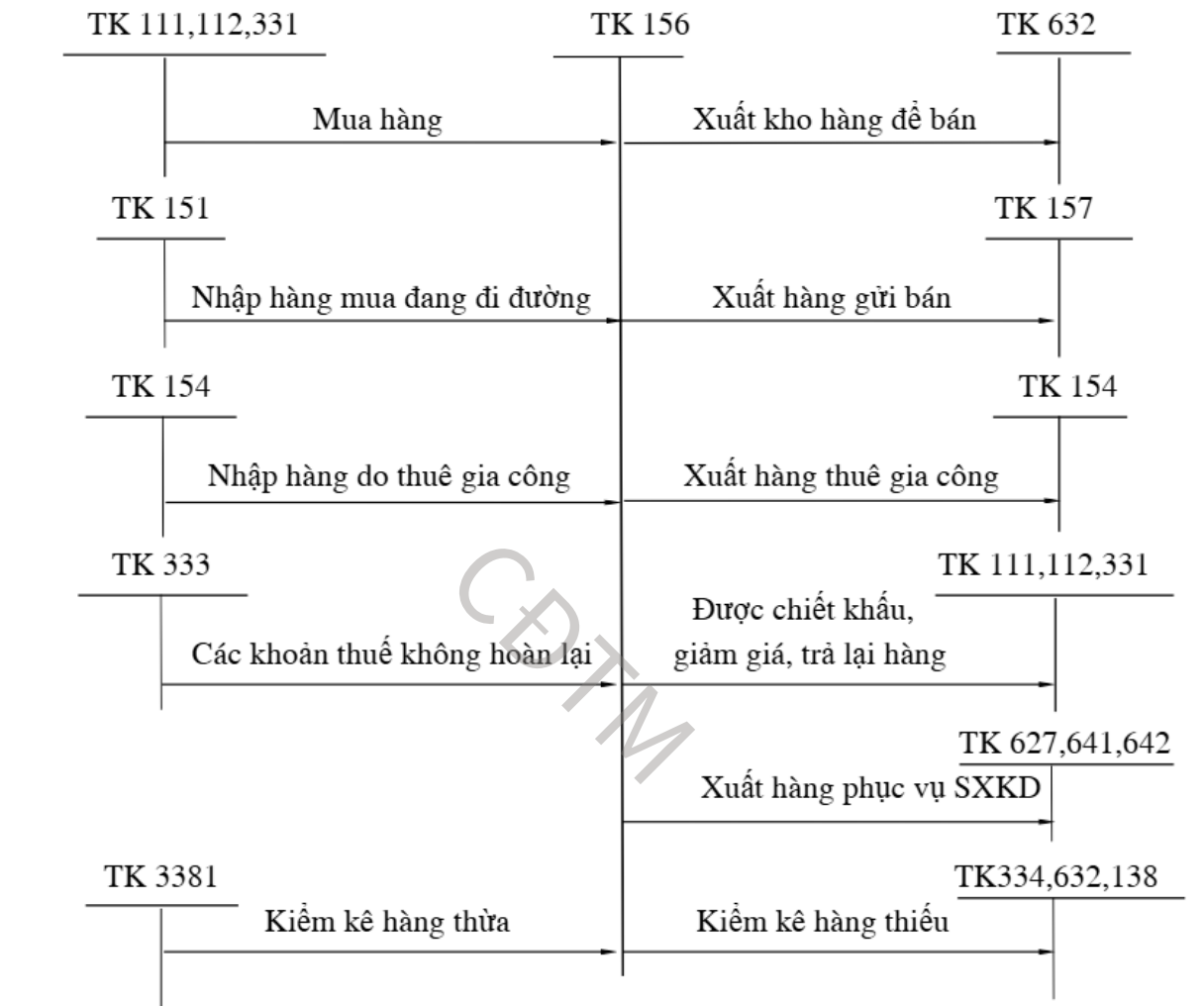
Nợ	TK 112	Có
- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng; - Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). - Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo		- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ rút ra từ Ngân hàng; - Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). - Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo
Số dư bên Nợ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.		

+ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

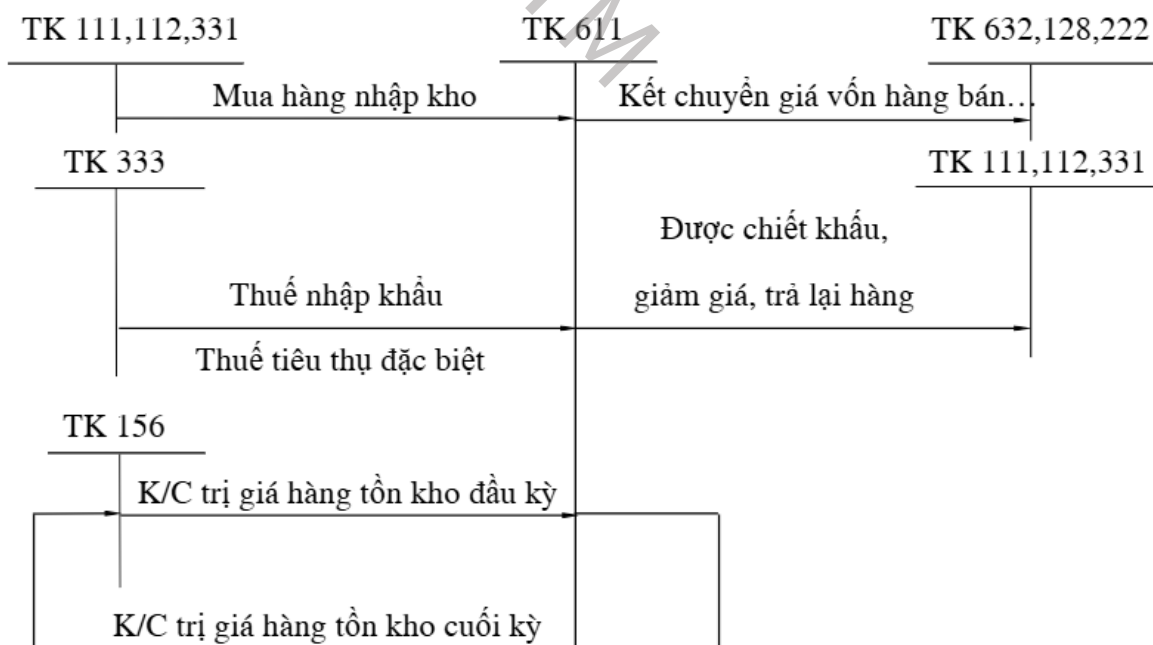
Nợ	TK133	Có
- Số thuế Giá trị gia tăng đầu vào của doanh nghiệp được khấu trừ.		- Số thuế Giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ; - Kết chuyển số thuế Giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ; - Thuế Giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại, được giảm giá; - Số thuế Giá trị gia tăng đầu vào đã được hoàn lại.
Số dư bên Nợ: Số thuế Giá trị gia tăng đầu vào còn được khấu trừ, số thuế Giá trị gia tăng đầu vào được hoàn lại nhưng Ngân sách nhà nước chưa hoàn trả.		

- Tài khoản kế toán chi tiết:
- + TK 1561: Giá mua hàng hóa
- + TK 1562: Chi phí thu mua hàng hóa
- + TK 331: Phải trả người bán – tài khoản này chi tiết cho từng người bán

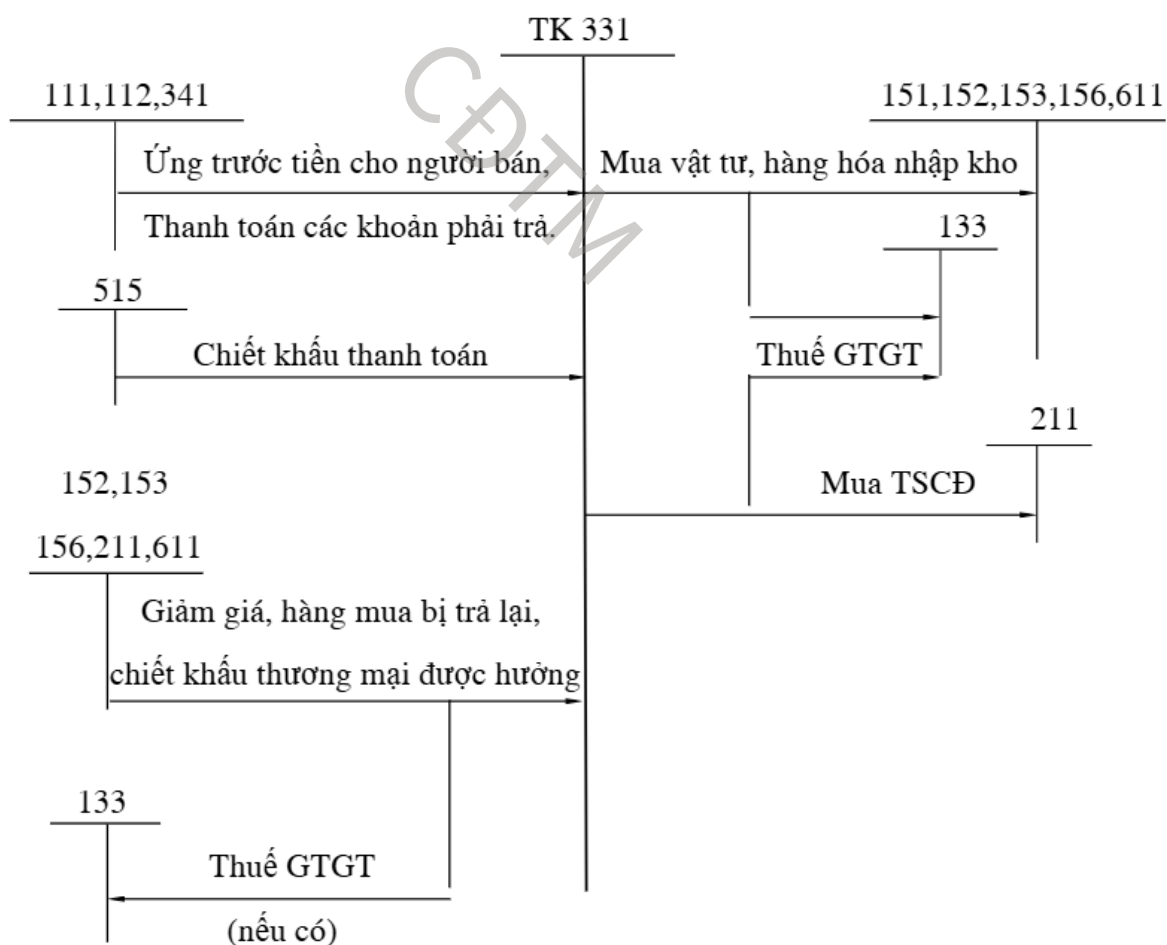
1.2.3. Trình tự kế toán (sơ đồ hạch toán)



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán mua hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán mua hàng theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán phải trả người bán

1.2.4. Lập sổ kế toán

- Sổ kế toán chi tiết
- + Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- + Sổ chi tiết hàng hóa
- Sổ kế toán tổng hợp: liệt kê theo 4 hình thức kế toán
- + Hình thức nhật ký chung:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ nhật ký mua hàng
 - Sổ cái TK 331, TK 156, TK 611
- + Hình thức chứng từ ghi sổ
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái TK 331, TK 156, TK 611
- + Hình thức nhật ký sổ cái
 - Sổ nhật ký sổ cái
- + Hình thức nhật ký chứng từ
 - Nhật ký chứng từ
 - Bảng kê số 8
 - Sổ cái TK 331, TK 156, TK 611
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính
 - Phần mềm kế toán FAST, MISA, ...

CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

2.1.1. Thông tin chung

2.1.1.1. Quá trình thành lập Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

- Công ty Quý Danh Nghĩa được thành lập vào ngày 30 tháng 10 năm 2015, là một trong những đơn vị uy tín hàng đầu tại Đà Nẵng và khu vực miền Trung trong lĩnh vực sản xuất và thi công nội thất – cửa – kính. Với nhà xưởng có diện tích hơn 400m², được trang bị máy móc hiện đại, cùng hệ thống xe tải chủ động trong khâu vận chuyển, Công ty luôn đảm bảo tiến độ, chất lượng và sự linh hoạt trong mọi dự án. Không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ và nâng cao tay nghề, Quý Danh Nghĩa đã khẳng định vị thế của mình thông qua chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ chăm sóc khách hàng tận tâm, được đông đảo khách hàng tại Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung tin tưởng lựa chọn. Công ty chuyên sản xuất và thi công nội thất gỗ công nghiệp (tủ bếp, tủ quần áo, giường,...), cửa nhôm Xingfa, cửa nhựa lõi thép, lan can kính, cầu thang kính, phòng tắm kính và mặt dựng kính cho các công trình như chung cư, biệt thự, khách sạn, bệnh viện và nhà ở dân dụng, mang đến những giải pháp thẩm mỹ và bền vững cho mọi không gian sống.

- Tên giao dịch đối nội: CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA

- Tên giao dịch đối ngoại: QUY DANH NGHIA COMPANY LIMITED

- Địa chỉ Công ty: Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lữ đoàn 532, Phường Hòa Khánh, TP Đà Nẵng, Việt Nam

- MST doanh nghiệp: 0401703715

- Tổng số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh nội thất là 10 năm

- Người đại diện: PHẠM THỊ PHƯỚC

- Điện thoại: 0905857773

- Email: quydanhnghia@gmail.com

2.1.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

a. Chức năng

- Công ty Quý Danh Nghĩa được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong lĩnh vực sản xuất, thi công và cung cấp các sản phẩm nội thất, cửa và kính cho các công trình dân dụng và công nghiệp. Công ty chuyên thiết kế, sản xuất và lắp đặt các hạng mục như nội thất gỗ công nghiệp, cửa nhôm Xingfa, cửa nhựa lõi thép, lan can – cầu thang – phòng tắm kính và mặt dựng kính. Với đội ngũ kỹ thuật lành nghề, thiết bị hiện đại và quy trình làm việc chuyên nghiệp, Quý Danh Nghĩa mang đến cho

khách hàng tại Đà Nẵng và khu vực miền Trung những sản phẩm chất lượng cao, thẩm mỹ và bền vững.

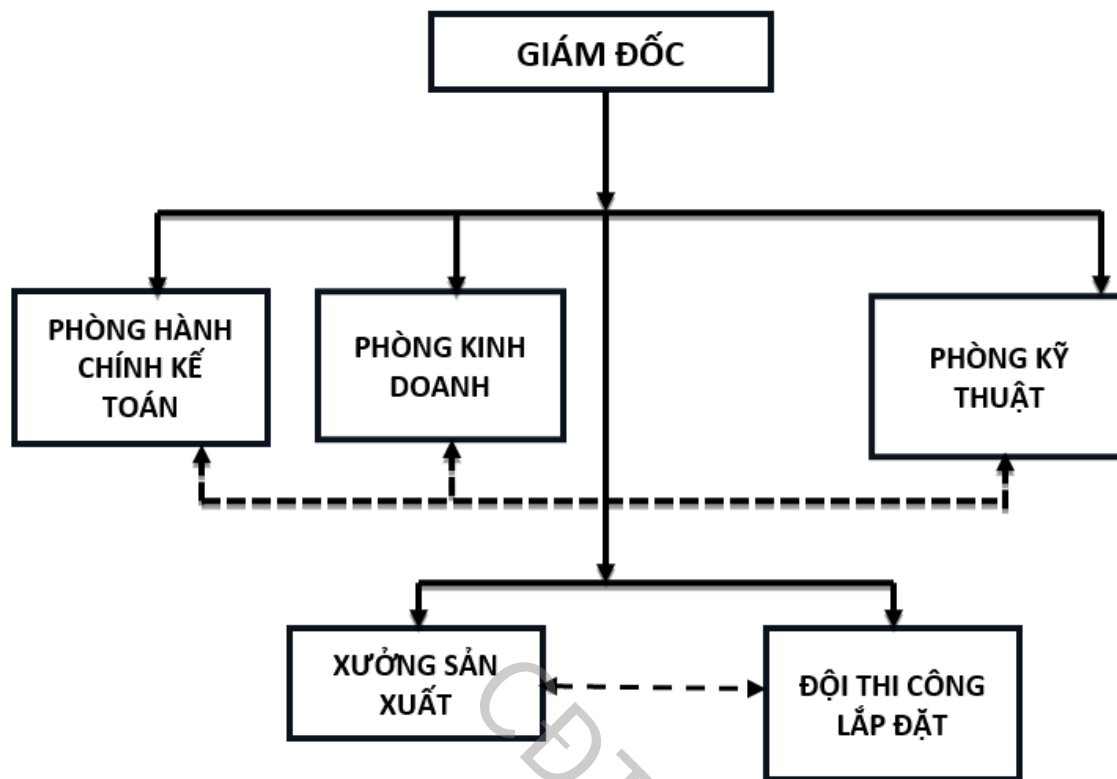
b. Nhiệm vụ

- Chủ động lập kế hoạch cân đối giữa cung và cầu về xăng dầu cũng như các sản phẩm liên quan trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.
- Chủ động lập kế hoạch sản xuất – kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường, cân đối giữa cung và cầu trong lĩnh vực nội thất, cửa và kính tại Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung.
- Thường xuyên cập nhật xu hướng thiết kế và vật liệu mới, nắm bắt biến động thị trường để điều chỉnh chiến lược kinh doanh kịp thời; quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm và dịch vụ, triển khai các chương trình quảng bá, khuyến mãi nhằm mở rộng quy mô hoạt động và khẳng định vị thế thương hiệu Quý Danh Nghĩa trên thị trường.
- Không ngừng nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự, tổ chức đào tạo kỹ thuật và tay nghề cho công nhân viên, đảm bảo chế độ tiền lương, phúc lợi và đời sống ổn định cho người lao động.
- Tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn, xanh – sạch – đẹp.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, hạch toán kế toán minh bạch, đúng quy định và đảm bảo quản lý tài chính hiệu quả.
- Giữ vững cam kết với khách hàng, cung cấp sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ uy tín; giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích với đối tác theo nguyên tắc hợp tác – cùng phát triển.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, không ngừng mở rộng quy mô sản xuất – kinh doanh, hướng tới sự phát triển bền vững và lâu dài của Công ty.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán và hình thức kế toán

2.1.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý

a. Sơ đồ



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

Ghi chú:



Quan hệ chức năng



Quan hệ trực tuyến

b. Nhiệm vụ của từng bộ phận

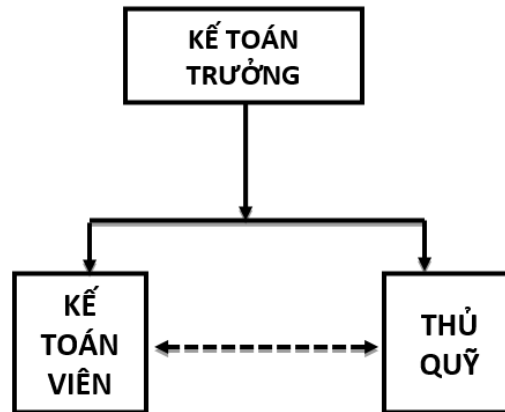
- Giám đốc: Là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm cao nhất về mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh, tài chính và nhân sự. Giám đốc định hướng chiến lược phát triển, quản lý và điều hành các phòng ban, đảm bảo hoạt động hiệu quả, đúng quy định pháp luật và mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.
- Phòng Hành chính – Kế toán: Quản lý công tác hành chính, nhân sự, tiền lương và các chế độ cho người lao động. Thực hiện hạch toán kế toán, quản lý thu chi, báo cáo tài chính và đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước.
- Phòng Kinh doanh: Lập kế hoạch kinh doanh, tìm kiếm và mở rộng thị trường, ký kết hợp đồng, chăm sóc khách hàng và phát triển thương hiệu Công ty.
- Phòng Kỹ thuật: Thực hiện thiết kế, bóc tách bản vẽ, lập dự toán, giám sát kỹ thuật và kiểm soát chất lượng sản phẩm, công trình.
- Xưởng Sản xuất: Tổ chức sản xuất, gia

công, lắp ráp sản phẩm theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động.

- **Đội Thi công – Lắp đặt:** Thực hiện thi công, lắp đặt tại công trình, đảm bảo đúng kỹ thuật, tiến độ và yêu cầu thẩm mỹ, đồng thời nghiệm thu và bàn giao cho khách hàng

2.1.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán

a. Sơ đồ



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

Ghi chú:



Quan hệ Chức năng

Quan hệ trực tuyến

b. Nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán liên quan

- Kế toán trưởng là người phụ trách chung toàn bộ hoạt động kế toán của Công ty, có nhiệm vụ tổ chức, điều hành và kiểm tra việc ghi chép sổ sách, lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế định kỳ. Đồng thời, Kế toán trưởng còn tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả thi công, sản xuất.

- Kế toán viên chịu trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ kế toán cụ thể như ghi chép, phản ánh tình hình mua vật tư, xuất – nhập kho, tiền lương, công nợ và chi phí từng công trình. Ngoài ra, Kế toán viên còn hỗ trợ Kế toán trưởng trong việc lập báo cáo và đối chiếu số liệu kế toán.

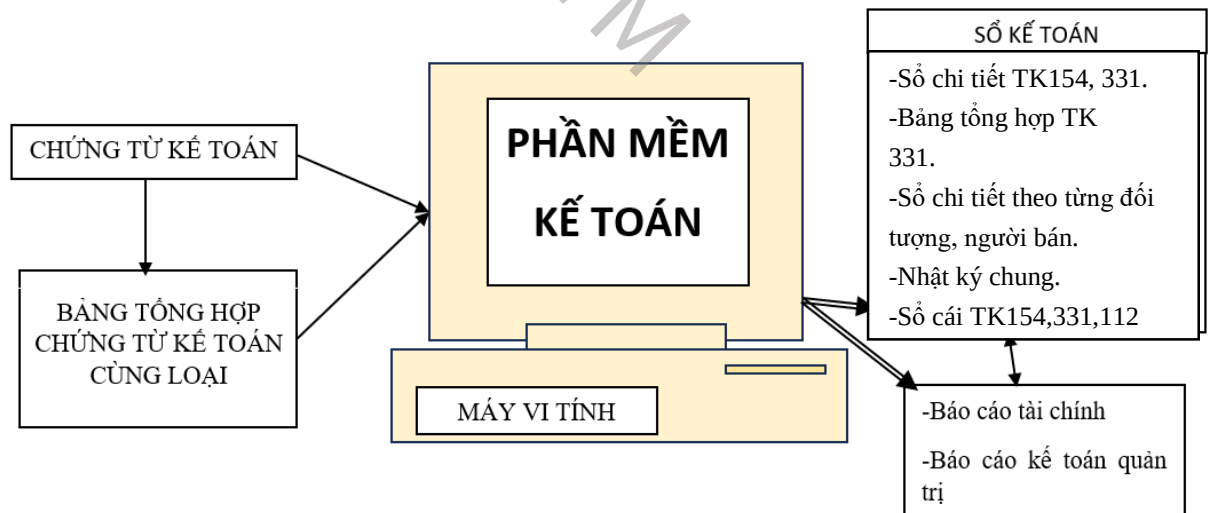
- Thủ quỹ là người trực tiếp quản lý và bảo quản quỹ tiền mặt của Công ty, thực hiện các nghiệp vụ thu – chi theo đúng chứng từ hợp lệ, ghi chép sổ quỹ hàng ngày và thường xuyên đối chiếu với kế toán viên để đảm bảo số liệu chính xác.

2.1.2.3. Hình thức kế toán tại đơn vị

a. Sơ đồ hình thức kế toán

- Doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán Vietda

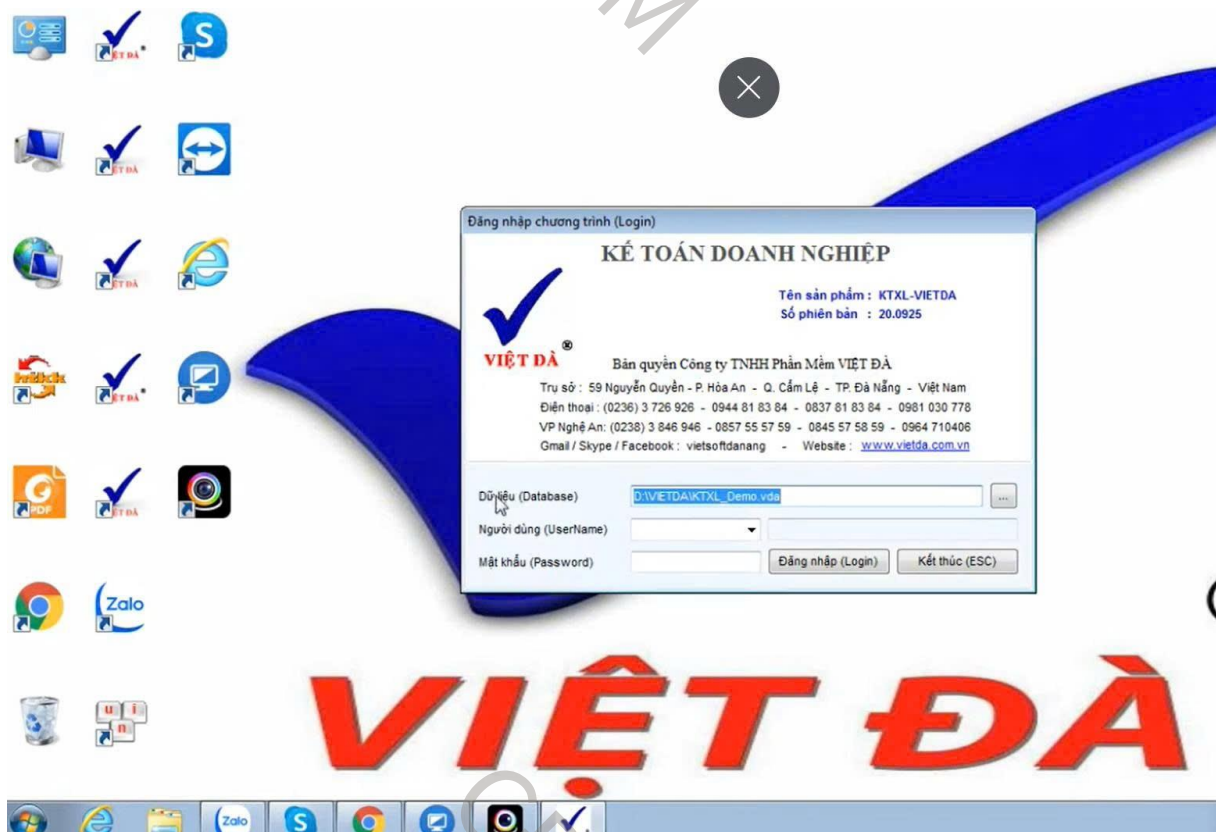
- Kế toán trên máy vi tính và in sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán phần mềm kế toán tại Công ty

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, ghi sổ



Giao diện kế toán trên phần mềm Việt Đà

b. Trình tự ghi sổ

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.
- Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập BCTC. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực các thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và BCTC sau khi đã in ra giấy.
- Thực hiện các thao tác in BCTC theo quy định.
- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

2.1.3. Lĩnh vực hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí

Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

2.1.4. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh (Báo cáo kết quả kinh doanh năm gần nhất)

**PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUÝ DANH NGHĨA
[03] Mã số thuế: 0401703715

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.069.943.746	112.788.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.069.943.746	112.788.273
4. Giá vốn hàng bán	11		942.315.122	26.500.454
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		127.628.624	86.287.819
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		0	0
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		125.547.774	81.948.513
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		2.080.850	4.339.306
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.080.850	4.339.306
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		2.080.850	4.339.306

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

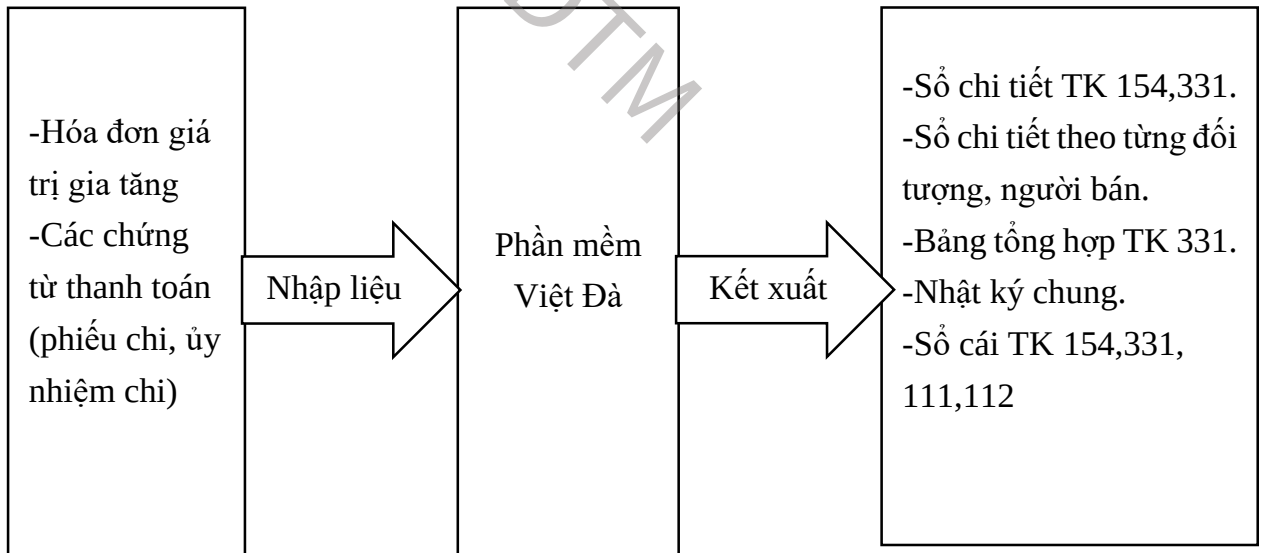
Lập ngày 28 tháng 03 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Phạm Thị Phúc

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUÝ DANH NGHĨA.

**Bảng 2.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của
Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa**

2.2. Thực trạng kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

2.2.1. Quy trình kế toán mua hàng và phải trả người bán của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán mua hàng và Phải trả người bán của Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

2.2.2 Thực trạng kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa

2.2.2.1. Tiếp nhận, lập chứng từ kế toán

a. Nghiệp vụ mua hàng và chưa thanh toán cho người bán

Ngày 08/11/2024 Công ty cổ phần An Phát Panel có bán cho Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa một lô hàng giá chưa thuế 116.200.000 VND thuế GTGT 8% là 9.296.000 VND. Doanh nghiệp chưa thanh toán tiền cho người bán.

+Từ nghiệp vụ này kế toán tiếp nhận hóa đơn GTGT số 243

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	116.200.000
8%	116.200.000	9.296.000		
Tổng giảm trừ không chịu thuế				
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)			9.296.000	
Tổng tiền phí				
Tổng tiền chiết khấu thương mại			0	
Tổng giảm trừ khác				
Tổng tiền thanh toán bằng số			125.496.000	
Tổng tiền thanh toán bằng chữ			Một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng.	

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Ván MDF phủ melamine 1220x2440x17MM	tám	70	340.000	0	8%	23.800.000
2	Hàng hóa, dịch vụ		Ván MDF HMR phủ melamine 1220x2440x08MM loại A	tám	300	258.000	0	8%	77.400.000
3	Hàng hóa, dịch vụ		Ván MDF HMR phủ melamine 1220x2440x09MM loại A	tám	40	375.000	0	8%	15.000.000

Bảng 2.2: Hóa đơn GTGT số 243

b. Nghiệp vụ thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng

Doanh nghiệp đã thanh toán nợ hóa đơn GTGT số 243 bằng hình thức chuyển khoản (đã nhận giấy báo nợ) thành nhiều đợt lý do doanh nghiệp chưa cân đối được nguồn tiền tại thời điểm thanh toán, nên cần chia thành nhiều đợt để đảm bảo duy trì dòng tiền cho hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA		Mẫu số 02-TT	
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)	
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lũr đoàn 532, P. HÒA KHÁNH NAM, Q. LIÊN CHIÊU, ĐÀ NẴNG		Số : CG001/11	
GIẤY BÁO NỢ		Ngày 09 tháng 11 năm 2024	
Họ, tên người nhận tiền : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL		Số tiền : 20.000.000,000	
Địa chỉ : K326/23 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		Viết bằng chữ : Hai mươi triệu đồng Chẵn.	
Lý do : Thanh toán nhà cung cấp		Kèm theo : chứng từ gốc.	
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	
Thủ quỹ (Ký, họ tên)		Người lập phiếu (Ký, họ tên)	
Người nhận tiền (Ký, họ tên)			

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA		Mẫu số 02-TT	
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)	
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lũr đoàn 532, P. HÒA KHÁNH NAM, Q. LIÊN CHIÊU, ĐÀ NẴNG		Số : CG003/11	
GIẤY BÁO NỢ		Ngày 22 tháng 11 năm 2024	
Họ, tên người nhận tiền : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL		Số tiền : 50.000.000,000	
Địa chỉ : K326/23 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		Viết bằng chữ : Năm mươi triệu đồng Chẵn.	
Lý do : Thanh toán nhà cung cấp		Kèm theo : chứng từ gốc.	
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	
Thủ quỹ (Ký, họ tên)		Người lập phiếu (Ký, họ tên)	
Người nhận tiền (Ký, họ tên)			

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA		Mẫu số 02-TT	
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)	
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lũr đoàn 532, P. HÒA KHÁNH NAM, Q. LIÊN CHIÊU, ĐÀ NẴNG		Số : CG002/12	
GIẤY BÁO NỢ		Ngày 04 tháng 12 năm 2024	
Họ, tên người nhận tiền : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL		Số tiền : 5.496.000,000	
Địa chỉ : K326/23 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		Viết bằng chữ : Năm triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng Chẵn.	
Lý do : Thanh toán nhà cung cấp		Kèm theo : chứng từ gốc.	
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	
Thủ quỹ (Ký, họ tên)		Người lập phiếu (Ký, họ tên)	
Người nhận tiền (Ký, họ tên)			

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA		Mẫu số 02-TT	
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)	
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lũr đoàn 532, P. HÒA KHÁNH NAM, Q. LIÊN CHIÊU, ĐÀ NẴNG		Số : CG001/12	
GIẤY BÁO NỢ		Ngày 04 tháng 12 năm 2024	
Họ, tên người nhận tiền : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL		Số tiền : 50.000.000,000	
Địa chỉ : K326/23 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		Viết bằng chữ : Năm mươi triệu đồng Chẵn.	
Lý do : Thanh toán nhà cung cấp		Kèm theo : chứng từ gốc.	
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	
Thủ quỹ (Ký, họ tên)		Người lập phiếu (Ký, họ tên)	
Người nhận tiền (Ký, họ tên)			

Bảng 2.3: Giấy báo nợ

c. Nghiệp vụ mua hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt

Ngày 09/11/2024 Công ty TNHH MTV Xây dựng C.N.M bán cho Công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa 685 tuýp keo dán công nghiệp A500 màu trắng, đơn giá 20.000 VND/tuýp. Tổng giá trị hàng hóa chưa thuế là 13.700.000 VND, thuế GTGT 10% là 1.370.000 VND, tổng cộng thanh toán là 15.070.000 VND (Mười lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn). Doanh nghiệp thanh toán tiền mặt

Mẫu số 1
Ký hiệu: C24TYZ
Số: 60

HOÀ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 09 tháng 11 năm 2024
MCCQT: 00611F3585591E4CD185F693A73D2529C9

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG C.N.M
Mã số thuế: 0500584473
Địa chỉ: 20BT2 Khu đô thị mới Cầu Bươu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUÝ DANH NGHĨA
Ho tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401703715
Địa chỉ: Lô 310-B2-10, KGD CBC'S Lũ đống 532, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Kèo dán công nghệ A500 KT màu trắng	Tuyp	685	20.000	0	10%	13.700.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	13.700.000	1.370.000

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	13.700.000
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	1.370.000
Tổng tiền phí thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	15.070.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Mười lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký và dấu đỏ)

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M

Ký ngày: 2024-11-09 09:30:45

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

+ Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 60 kê toán tiến hành lập phiếu chi số CM003/11

- + TK 331: Phải trả người bán
- + TK 111: Tiền mặt
- +TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Tài khoản kế toán chi tiết:
- + TK 11212 : Tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng Công Thương Đà Nẵng
- + TK 1111: Tiền Việt Nam
- + TK 331: Phải trả người bán – tài khoản này chi tiết cho từng đối tượng người bán
- +TK 1541: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

2.2.2.3 Lập sổ kế toán

- Xác định sổ kế toán sử dụng:

- + Sổ kế toán chi tiết:

- Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- Sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- + Sổ kế toán tổng hợp:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 154, TK 331

- Trình tự ghi sổ

+Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

+ Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, Sổ cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính khi đã in ra giấy. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lũr đoàn 532, P. HÒA KHÁ

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2024

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	TG002/01	01/01/24	Nộp tiền vào TK PHẠM VĂN DANH	11212	3.124.437	
1	TG002/01	01/01/24	Nộp tiền vào TK PHẠM VĂN DANH	1111		3.124.437
2	ND001/01	01/01/24	Chi trả tiền điện nước CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	1541	1.828.899	
2	ND001/01	01/01/24	Chi trả tiền điện nước CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	3311		1.828.899
2	ND001/01	01/01/24	Thuế GTGT Chi trả tiền điện nước CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	1331	146.312	
2	ND001/01	01/01/24	Thuế GTGT Chi trả tiền điện nước CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	3311		146.312
3	CM002/01	04/01/24	Chi tiền Mua NVL dùng cho SXKD CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG - CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG	3311	9.917.996	
3	CM002/01	04/01/24	Chi tiền Mua NVL dùng cho SXKD CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG - CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG	1111		9.917.996
4	XD001/01	04/01/24	Giá trị cung cấp, lắp đặt nội thất liên tường - khu văn phòng khối 06 theo hợp đồng số 593/2023/HĐXD.E&C- QUYDANHNGHIA ký ngày 04/07/2023 CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C	1311	875.250.000	
4	XD001/01	04/01/24	Giá trị cung cấp, lắp đặt nội thất liên tường - khu văn phòng khối 06 theo hợp đồng số 593/2023/HĐXD.E&C- QUYDANHNGHIA ký ngày 04/07/2023 CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C	5112		875.250.000
4	XD001/01	04/01/24	Thuế GTGT Giá trị cung cấp, lắp đặt nội thất liên tường - khu văn phòng khối 06 theo hợp đồng số 593/2023/HĐXD.E&C- QUYDANHNGHIA ký ngày 04/07/2023 CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C	1311	70.020.000	

A	B	C	D	E	1	2
139	KH002102	31/10/24	Khấu hao XE02 tháng 10/2024	1541	4.065.656	
139	KH002102	31/10/24	Khấu hao XE02 tháng 10/2024	2141		4.065.656
140	KC001/10	31/10/24	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	5.995.402	
140	KC001/10	31/10/24	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		5.995.402
141	KC002/10	31/10/24	Kết chuyển lỗ tháng 10/2024	4212	5.995.402	
141	KC002/10	31/10/24	Kết chuyển lỗ tháng 10/2024	911		5.995.402
142	CM004/11	02/11/24	Chi tiền Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	3311	1.918.064	
142	CM004/11	02/11/24	Chi tiền Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	1111		1.918.064
143	ND001/11	02/11/24	Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	1541	1.775.985	
143	ND001/11	02/11/24	Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	3311		1.775.985
143	ND001/11	02/11/24	Thuê GTGT Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	1331	142.079	
143	ND001/11	02/11/24	Thuê GTGT Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	3311		142.079
144	CM001/11	08/11/24	Chi tiền Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	3311	16.814.600	
144	CM001/11	08/11/24	Chi tiền Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	1111		16.814.600
145	ND002/11	08/11/24	Kính ghép 6.38mm CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	1541	18.130.000	
145	ND002/11	08/11/24	Kính ghép 6.38mm CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	3311		18.130.000
145	ND002/11	08/11/24	Thuê GTGT Kính ghép 6.38mm CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	1331	1.450.400	
145	ND002/11	08/11/24	Thuê GTGT Kính ghép 6.38mm CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	3311		1.450.400
146	ND003/11	08/11/24	Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	1541	15.286.000	
146	ND003/11	08/11/24	Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	3311		15.286.000
146	ND003/11	08/11/24	Thuê GTGT Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	1331	1.528.600	
146	ND003/11	08/11/24	Thuê GTGT Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	3311		1.528.600
147	ND004/11	08/11/24	Ván MDF CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL	1541	116.200.000	
147	ND004/11	08/11/24	Ván MDF CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL	3311		116.200.000

A	B	C	D	E	1	2
			Thuế GTGT Văn MDF CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN			
147	ND004/11	08/11/24	PHÁT PANEL	1331	9.296.000	
			Thuế GTGT Văn MDF CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN			
147	ND004/11	08/11/24	PHÁT PANEL	3311		9.296.000
148	TG001/11	09/11/24	Nộp tiền vào TK PHAM THỊ PHÚC	11212	20.000.000	
148	TG001/11	09/11/24	Nộp tiền vào TK PHAM THỊ PHÚC	1111		20.000.000
			Thanh toán nhà cung cấp CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN			
149	CG001/11	09/11/24	PHÁT PANEL	3311	20.000.000	
			Thanh toán nhà cung cấp CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN			
149	CG001/11	09/11/24	PHÁT PANEL	11212		20.000.000
150	CM002/11	09/11/24	Chi tiền Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	3311	14.383.600	
150	CM002/11	09/11/24	Chi tiền Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	1111		14.383.600
			Chi tiền Keo dán công nghiệp CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN			
151	CM003/11	09/11/24	XÂY DỰNG C.N.M	3311	15.070.000	
			Chi tiền Keo dán công nghiệp CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN			
151	CM003/11	09/11/24	XÂY DỰNG C.N.M	1111		15.070.000
152	CM005/11	09/11/24	Chi tiền Kính ghép CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	3311	11.173.316	
152	CM005/11	09/11/24	Chi tiền Kính ghép CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	1111		11.173.316
153	ND005/11	09/11/24	Kính ghép CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	1541	18.375.000	
153	ND005/11	09/11/24	Kính ghép CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	3311		18.375.000
153	ND005/11	09/11/24	Thuế GTGT Kính ghép CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	1331	1.470.000	
153	ND005/11	09/11/24	Thuế GTGT Kính ghép CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH	3311		1.470.000
154	ND006/11	09/11/24	Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	1541	13.076.000	
154	ND006/11	09/11/24	Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	3311		13.076.000
154	ND006/11	09/11/24	Thuế GTGT Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	1331	1.307.600	
154	ND006/11	09/11/24	Thuế GTGT Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	3311		1.307.600
155	ND007/11	09/11/24	Keo dán công nghiệp CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M	1541	13.700.000	

A	B	C	D	E	1	2
			Keo dán công nghiệp CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M			
155	ND007/11	09/11/24		3311		13.700.000
			Thuế GTGT Keo dán công nghiệp CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M			
155	ND007/11	09/11/24		1331	1.370.000	
			Thuế GTGT Keo dán công nghiệp CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M			
155	ND007/11	09/11/24		3311		1.370.000
			Gia công sản xuất và lắp đặt nội thất CÔNG TY TNHH BÌNH MINH SÔNG HÂN			
156	XD001/11	11/11/24		1311	139.011.200	
			Gia công sản xuất và lắp đặt nội thất CÔNG TY TNHH BÌNH MINH SÔNG HÂN			
156	XD001/11	11/11/24		5112		139.011.200
			Thuế GTGT Gia công sản xuất và lắp đặt nội thất CÔNG TY TNHH BÌNH MINH SÔNG HÂN			
156	XD001/11	11/11/24		1311	11.120.896	
			Thuế GTGT Gia công sản xuất và lắp đặt nội thất CÔNG TY TNHH BÌNH MINH SÔNG HÂN			
156	XD001/11	11/11/24		33311		11.120.896
			Thu tiền khách hàng CÔNG TY TNHH BÌNH MINH SÔNG HÂN			
157	TG002/11	14/11/24		11212	150.132.096	
			Thu tiền khách hàng CÔNG TY TNHH BÌNH MINH SÔNG HÂN			
157	TG002/11	14/11/24		1311		150.132.096
			Rút tiền gửi nhập quỹ PHẠM THỊ PHƯỚC			
158	CG002/11	14/11/24		1111	152.000.000	
			Rút tiền gửi nhập quỹ PHẠM THỊ PHƯỚC			
158	CG002/11	14/11/24		11212		152.000.000
			Nhóm thanh TJ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG			
159	ND008/11	20/11/24		1541	118.182.240	
			Nhóm thanh TJ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG			
159	ND008/11	20/11/24		3311		118.182.240
			Thuế GTGT Nhóm thanh TJ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG			
159	ND008/11	20/11/24		1331	11.818.224	
			Thuế GTGT Nhóm thanh TJ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG			
159	ND008/11	20/11/24		3311		11.818.224
			Thu tiền khách hàng CÔNG TY TNHH TM DV BẢO TÍN			
160	TG003/11	21/11/24		11212	68.000.000	
			Thu tiền khách hàng CÔNG TY TNHH TM DV BẢO TÍN			
160	TG003/11	21/11/24		1311		68.000.000
			Thanh toán nhà cung cấp CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL			
161	CG003/11	22/11/24		3311	50.000.000	
			Thanh toán nhà cung cấp CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL			
161	CG003/11	22/11/24		11212		50.000.000
			Nhóm thanh TJ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG			
162	ND009/11	28/11/24		1541	15.448.320	

A	B	C	D	E	1	2
162	ND009/11	28/11/24	Nhóm thanh TJ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG	3311		15.448.320
162	ND009/11	28/11/24	Thuế GTGT Nhóm thanh TJ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG	1331	1.544.832	
162	ND009/11	28/11/24	Thuế GTGT Nhóm thanh TJ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG	3311		1.544.832
163	KH001112	30/11/24	Khấu hao XE01 tháng 11/2024.	6422	5.975.402	
163	KH001112	30/11/24	Khấu hao XE01 tháng 11/2024.	2141		5.975.402
164	KH002112	30/11/24	Khấu hao XE02 tháng 11/2024.	1541	4.065.657	
164	KH002112	30/11/24	Khấu hao XE02 tháng 11/2024.	2141		4.065.657
165	KC001/11	30/11/24	K.c doanh thu bán thành phẩm	5112	139.011.200	
165	KC001/11	30/11/24	K.c doanh thu bán thành phẩm	911		139.011.200
166	KC002/11	30/11/24	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	5.975.402	
166	KC002/11	30/11/24	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		5.975.402
167	KC003/11	30/11/24	Kết chuyển lãi tháng 11/2024	911	133.035.798	
167	KC003/11	30/11/24	Kết chuyển lãi tháng 11/2024	4212		133.035.798
168	CM002/12	01/12/24	Chi tiền Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	3311	2.696.795	
168	CM002/12	01/12/24	Chi tiền Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	1111		2.696.795
169	ND002/12	01/12/24	Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	1541	2.497.032	
169	ND002/12	01/12/24	Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	3311		2.497.032
169	ND002/12	01/12/24	Thuế GTGT Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	1331	199.763	
169	ND002/12	01/12/24	Thuế GTGT Chi phí tiền điện CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	3311		199.763
170	TG001/12	04/12/24	Nộp tiền vào TK PHẠM THỊ PHÚC	11212	32.000.000	
170	TG001/12	04/12/24	Nộp tiền vào TK PHẠM THỊ PHÚC	1111		32.000.000
171	TG002/12	04/12/24	Nộp tiền vào TK PHẠM THỊ PHÚC	11212	5.500.000	
171	TG002/12	04/12/24	Nộp tiền vào TK PHẠM THỊ PHÚC	1111		5.500.000
172	CG001/12	04/12/24	Thanh toán nhà cung cấp CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL	3311	50.000.000	
172	CG001/12	04/12/24	Thanh toán nhà cung cấp CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL	11212		50.000.000
173	CG002/12	04/12/24	Thanh toán nhà cung cấp CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL	3311	5.496.000	
173	CG002/12	04/12/24	Thanh toán nhà cung cấp CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL	11212		5.496.000
174	CG003/12	05/12/24	Rút tiền gửi nhập quỹ PHẠM THỊ PHÚC	1111	47.235.190	
174	CG003/12	05/12/24	Rút tiền gửi nhập quỹ PHẠM THỊ PHÚC	11212		47.235.190

A	B	C	D	E	1	2
175	CM001/12	25/12/24	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ VẬN HỘI MỚI	3311	384.480	
175	CM001/12	25/12/24	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ VẬN HỘI MỚI	1111		384.480
176	ND001/12	25/12/24	Cao su đầu giảm xóc sau, Nhân công thay thế CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ VẬN HỘI MỚI	1541	356.000	
176	ND001/12	25/12/24	Cao su đầu giảm xóc sau, Nhân công thay thế CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ VẬN HỘI MỚI	3311		356.000
176	ND001/12	25/12/24	Thuế GTGT Cao su đầu giảm xóc sau, Nhân công thay thế CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ VẬN HỘI MỚI	1331	28.480	
176	ND001/12	25/12/24	Thuế GTGT Cao su đầu giảm xóc sau, Nhân công thay thế CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ VẬN HỘI MỚI	3311		28.480
177	KH001/12	31/12/24	Khấu hao XE01 tháng 12/2024.	6422	5.975.402	
177	KH001/12	31/12/24	Khấu hao XE01 tháng 12/2024.	2141		5.975.402
178	KH002/12	31/12/24	Khấu hao XE02 tháng 12/2024.	1541	4.065.656	
178	KH002/12	31/12/24	Khấu hao XE02 tháng 12/2024.	2141		4.065.656
179	TH001/12	31/12/24	K/c Chi phí sản xuất kinh doanh	632	942.315.122	
179	TH001/12	31/12/24	K/c Chi phí sản xuất kinh doanh	1541		942.315.122
180	KC001/12	31/12/24	K.c giá vốn hàng bán	911	942.315.122	
180	KC001/12	31/12/24	K.c giá vốn hàng bán	632		942.315.122
181	KC002/12	31/12/24	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	5.975.402	
181	KC002/12	31/12/24	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		5.975.402
182	KC003/12	31/12/24	Kết chuyển lỗ tháng 12/2024	4212	948.290.524	
182	KC003/12	31/12/24	Kết chuyển lỗ tháng 12/2024	911		948.290.524
183	KC004/12	31/12/24	Khấu trừ thuế GTGT	33311	11.120.896	
183	KC004/12	31/12/24	Khấu trừ thuế GTGT	1331		11.120.896
			Tổng cộng số phát sinh		8.877.648.404	8.877.648.404

Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.6: Sổ nhật ký chung

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lữ đoàn 532, P. HÒA KHÁNH

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 02/11/2024
Tài khoản: 154 (Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		1.588.239.304	
29	ND001/11	02/11	Chi phí tiền điện (CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG)	3311	1.775.985	
30	ND002/11	08/11	Kính ghép 6.38mm (CÔNG TY TNHH TRUÔNG MINH)	3311	18.130.000	
31	ND003/11	08/11	Bản lề, Khóa tay nắm, Chốt bật (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	3311	15.286.000	
32	ND004/11	08/11	Ván MDF (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	3311	116.200.000	
33	ND005/11	09/11	Kính ghép (CÔNG TY TNHH TRUÔNG MINH)	3311	18.375.000	
34	ND006/11	09/11	Bản lề, Khóa tay nắm, Roan nẹp cửa kính (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	3311	13.076.000	
35	ND007/11	09/11	Kéo dán công nghiệp (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M)	3311	13.700.000	
36	ND008/11	20/11	Nhôm thanh TJ (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG)	3311	118.182.240	
37	ND009/11	28/11	Nhôm thanh TJ (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG)	3311	15.448.320	
38	KH0021124	30/11	Khấu hao XE02 tháng 11/2024. (XE02)	2141	4.065.657	
			Cộng phát sinh tháng 11		334.239.202	
			Số dư cuối tháng 11		1.922.478.506	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.7: Sổ cái TK 154

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lữ đoàn 532, P. HÒA KHÁNH NAM, Q. LIÊN CHIẾ

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024
Tài khoản: 331 (Phải trả cho người bán)

Chứng từ			Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
STT	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
	A	B	C		1	2
			Số dư cuối tháng 10			501.514.400
109	CM004/11	02/11	Chi tiền Chi phí tiền điện (CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG)	1111	1.918.064	
110	ND001/11	02/11	Chi phí tiền điện (CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG)	1331		142.079
111	ND001/11	02/11	Chi phí tiền điện (CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG)	1541		1.775.985
112	CM001/11	08/11	Chi tiền Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	1111	16.814.600	
113	ND002/11	08/11	Kính ghép 6.38mm (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	1331		1.450.400
114	ND002/11	08/11	Kính ghép 6.38mm (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	1541		18.130.000
115	ND003/11	08/11	Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	1331		1.528.600
116	ND003/11	08/11	Bán lẻ, Khóa tay nắm, Chốt bật (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	1541		15.286.000
117	ND004/11	08/11	Ván MDF (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	1331		9.296.000
118	ND004/11	08/11	Ván MDF (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	1541		116.200.000
119	CG001/11	09/11	Thanh toán nhà cung cấp (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	11212	20.000.000	
120	CM002/11	09/11	Chi tiền Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	1111	14.383.600	
121	CM003/11	09/11	Chi tiền Keo dán công nghiệp (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M)	1111	15.070.000	
122	CM005/11	09/11	Chi tiền Kính ghép (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	1111	11.173.316	
123	ND005/11	09/11	Kính ghép (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	1331		1.470.000
124	ND005/11	09/11	Kính ghép (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	1541		18.375.000
125	ND006/11	09/11	Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	1331		1.307.600
126	ND006/11	09/11	Bán lẻ, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	1541		13.076.000
127	ND007/11	09/11	Keo dán công nghiệp (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M)	1331		1.370.000
128	ND007/11	09/11	Keo dán công nghiệp (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M)	1541		13.700.000
129	ND008/11	20/11	Nhóm thanh TJ (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG)	1331		11.818.224
130	ND008/11	20/11	Nhóm thanh TJ (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG)	1541		118.182.240
131	CG003/11	22/11	Thanh toán nhà cung cấp (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	11212	50.000.000	
132	ND009/11	28/11	Nhóm thanh TJ (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG)	1331		1.544.832
133	ND009/11	28/11	Nhóm thanh TJ (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DŨNG)	1541		15.448.320
			Cộng phát sinh tháng 11		129.359.580	360.101.280
			Số dư cuối tháng 11			732.256.100

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.8: Sổ cái TK 331

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lữ đoàn 532, P. HÒA KHÁ

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2024

Tài khoản: 112 (Tiền gửi Ngân hàng)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ				x		
1	TG002/01	01/01	Nộp tiền vào TK (PHẠM VĂN DANH)	1111	3.124.437	
2	CG001/01	18/01	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		3.000.000
3	TG001/01	23/01	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C)	1311	293.363.545	
4	CG002/01	24/01	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		293.000.000
Cộng phát sinh tháng 01					296.487.982	296.000.000
Số dư cuối tháng 01					487.982	
5	TG001/02	06/02	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C)	1311	102.121.956	
6	CG002/02	07/02	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		2.500.000
7	CG002/02	07/02	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		100.000.000
Cộng phát sinh tháng 02					102.121.956	102.500.000
Số dư cuối tháng 02					109.938	
Cộng lũy kế từ đầu quý 1					398.609.938	398.500.000
8	TG001/04	01/04	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG CƠ KHÍ THIÊN AN PHÁT)	1311	3.000.000	
9	TG002/04	10/04	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG CƠ KHÍ THIÊN AN PHÁT)	1311	4.826.868	
10	CG001/04	16/04	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		7.900.000
Cộng phát sinh tháng 04					7.826.868	7.900.000
Số dư cuối tháng 04					36.806	
Cộng lũy kế từ đầu quý 2					7.826.868	7.900.000
11	TG001/07	05/07	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT)	1311	6.153.084	
12	TG002/07	12/07	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT)	1311	8.204.112	
13	TG003/07	18/07	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT)	1311	6.153.084	
Cộng phát sinh tháng 07					20.510.280	
Số dư cuối tháng 07					20.547.086	
14	CG001/08	03/08	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		20.500.000
Cộng phát sinh tháng 08						20.500.000
Số dư cuối tháng 08					47.086	
15	TG001/09	16/09	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY TNHH TM DV BẢO TÍN)	1311	100.000.000	
16	CG001/09	28/09	Thanh toán nhà cung cấp (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	3311		15.022.000
17	CG002/09	28/09	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		35.000.000
Cộng phát sinh tháng 09					100.000.000	50.022.000
Số dư cuối tháng 09					50.025.086	
Cộng lũy kế từ đầu quý 3					120.510.280	70.522.000
18	CG001/10	03/10	Thanh toán nhà cung cấp (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	3311		13.230.084
19	TG001/10	04/10	Nộp tiền vào TK (PHẠM THỊ PHÚC)	1111	13.000.000	
20	CG002/10	11/10	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		400.000
Cộng phát sinh tháng 10					13.000.000	13.630.084
Số dư cuối tháng 10					49.395.002	
21	TG001/11	09/11	Nộp tiền vào TK (PHẠM THỊ PHÚC)	1111	20.000.000	
22	CG001/11	09/11	Thanh toán nhà cung cấp (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	3311		20.000.000
23	TG002/11	14/11	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY TNHH BÌNH MINH SÔNG HÀN)	1311	150.132.096	
24	CG002/11	14/11	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		152.000.000
25	TG003/11	21/11	Thu tiền khách hàng (CÔNG TY TNHH TM DV BẢO TÍN)	1311	68.000.000	
26	CG003/11	22/11	Thanh toán nhà cung cấp (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	3311		50.000.000
Cộng phát sinh tháng 11					238.132.096	222.000.000
Số dư cuối tháng 11					65.527.098	
27	TG001/12	04/12	Nộp tiền vào TK (PHẠM THỊ PHÚC)	1111	32.000.000	
28	TG002/12	04/12	Nộp tiền vào TK (PHẠM THỊ PHÚC)	1111	5.500.000	
29	CG001/12	04/12	Thanh toán nhà cung cấp (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	3311		50.000.000
30	CG002/12	04/12	Thanh toán nhà cung cấp (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	3311		5.496.000
31	CG003/12	05/12	Rút tiền gửi nhập quỹ (PHẠM THỊ PHÚC)	1111		47.235.190
Cộng phát sinh tháng 12					37.500.000	102.731.190
Số dư cuối tháng 12					295.908	
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					288.632.096	338.361.274
Cộng lũy kế từ đầu năm					815.579.182	815.283.274
Số dư cuối kỳ				x	295.908	

Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.9: Sổ cái TK 112

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lữ đoàn 532, P. HỒ

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 02/11/2024
Tài khoản: 154 (Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4
Số dư cuối tháng 10						1.588.239.304	
29	ND001/11	02/11	Chi phí tiền điện (CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÁ NẮNG)	1.775.985		1.590.015.289	
30	ND002/11	08/11	Kính ghép 6.38mm (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	18.130.000		1.608.145.289	
31	ND003/11	08/11	Bản lề, Khóa tay nắm, Chốt bật (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	15.286.000		1.623.431.289	
32	ND004/11	08/11	Ván MDF (CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL)	116.200.000		1.739.631.289	
33	ND005/11	09/11	Kính ghép (CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MINH)	18.375.000		1.758.006.289	
34	ND006/11	09/11	Bản lề, Khóa tay nắm, Roan nẹp của kính (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA)	13.076.000		1.771.082.289	
35	ND007/11	09/11	Kéo dán công nghiệp (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M)	13.700.000		1.784.782.289	
36	ND008/11	20/11	Nhôm thanh TỶ (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DỪNG)	118.182.240		1.902.964.529	
37	ND009/11	28/11	Nhôm thanh TỶ (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DỪNG)	15.448.320		1.918.412.849	
38	KH002112 4	30/11	Khấu hao XE02 tháng 11/2024. (XE02)	4.065.657		1.922.478.506	
Cộng phát sinh tháng 11				334.239.202			
Số dư cuối tháng 11						1.922.478.506	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.10: Sổ chi tiết TK 154

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lũ đoàn 532, P. HÒA KHÁNH NAM, Q. LIÊN CHIÊU, ĐÀ NẴNG

Mẫu số S12-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN CÔNG NỢ

Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 31/12/2024

Tài khoản: 331 (Phải trả cho người bán)

Đối tượng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Đơn hàng	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
1	A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					0	0
1	ND004/11	08/11/24	Ván MDF		1541		116.200.000		116.200.000
2	ND004/11	08/11/24	Ván MDF		1331		9.296.000		125.496.000
3	CG001/11	09/11/24	Thanh toán nhà cung cấp		11212	20.000.000			105.496.000
4	CG003/11	22/11/24	Thanh toán nhà cung cấp		11212	50.000.000			55.496.000
5	CG001/12	04/12/24	Thanh toán nhà cung cấp		11212	50.000.000			5.496.000
6	CG002/12	04/12/24	Thanh toán nhà cung cấp		11212	5.496.000			
			Cộng phát sinh	-	-	125.496.000	125.496.000		
			Số dư cuối kỳ	-	-			0	0

Ngày mở sổ : 01/01/2024

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.11: Sổ chi tiết TK 331

Đơn vị : CÔNG TY TNHH MTV QUÝ DANH NGHĨA
Địa chỉ : Lô 310-B2-10, KGD CBCS Lũr đoàn 532, P. HÒA KHÁNH NAM, Q. LIÊN CHIÊU, ĐÀ

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN CÔNG NỢ

Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 31/12/2024
Tải khoản: 331 (Phải trả cho người bán)

Đơn vị tính : Đồng									
STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Đơn hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
				Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
1	CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG - CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG	Lô 15-B6.4 Đường Nguyễn Tất Thành - Phường Xuân Hà - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng.				9.917.996	9.917.996		
2	CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT, AN TOÀN VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG - INCOSAF - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	20- Nguyễn Lộ Trạch, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				500.000	500.000		
3	CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ VẬN HỘI MỚI	178 đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam				6.097.740	6.097.740		
4	CÔNG TY TNHH CHÁO ĐÀ NẴNG	76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				47.949.836	47.949.836		
5	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THỊNH AN PHÁT	Số 35, đường Tống Duy Tân, Khối 14, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam				19.388.160	19.388.160		
6	CÔNG TY TNHH KÍNH NHÓM INOX ANH TUẤN	Số nhà 53/16/4 Lê Duẩn, Phường Tân Thành, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam					28.208.084		28.208.084
7	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGUYỄN NGUYỄN DỪNG	798 Tôn Đức Thắng, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng					146.993.616		146.993.616
8	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TM MAI NA	Tổ 23 phường An Khê, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng				31.198.200	31.198.200		
9	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG C.N.M	20BT2 Khu đô thị mới Cầu Brou, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				15.070.000	15.070.000		
10	CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	183 TÔN DỨC THẮNG - ĐÀ NẴNG				32.726.936	32.726.936		
11	CÔNG TY TNHH PHƯƠNG PHÚ THẠNH	67-69 Lê Thạch, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				5.832.000	5.832.000		
12	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT MINH TRẦN	101 Triệu Nữ Vương - Phường Hải Châu II - Quận Hải Châu - Đà Nẵng, Tổ 9, Thôn An Ngãi Đông, Xã Hoà Sơn, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		480.523.400			21.035.000		501.558.400
13	CÔNG TY TNHH TÔN THIỆP TUẤN VŨ	Tổ 14, đường Phạm Văn Đồng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				4.000.150	4.000.150		
14	CÔNG TY TNHH TRƯỞNG HẢI ĐÀ NẴNG	27/27 NGUYỄN THANH HẸN, P. HÒA THUẬN TÂY, Q. HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG				3.228.218	3.228.218		
15	CÔNG TY TNHH TRƯỞNG MINH	K326/23 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				39.425.400	39.425.400		
16	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN PHÁT PANEL	Số 77, phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				61.600	61.600		
17	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	Số 77, phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				61.600	61.600		
18	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI	25 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				605.700	605.700		
19	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI								
20	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Đà Nẵng								
Tổng cộng				0	480.523.400	341.581.536	537.818.236	0	676.760.100

Ngày mở sổ : 01/01/2024
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.12: Bảng tổng hợp TK 331

2.3. Nhận xét

2.3.1. Về chấp hành chế độ, chính sách kế toán

- Hệ thống sổ sách sử dụng ghi chép hợp lý, đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của Nhà nước.
- Đáp ứng được yêu cầu về thông tin của lãnh đạo nhờ có hệ thống sổ sách ghi chép rất chi tiết về từng loại hình, mặt hàng kinh doanh trong Công ty.
- Công ty sử dụng đầy đủ, chính xác các tài khoản và chứng từ theo đúng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016). Các chứng từ kế toán được lập rõ ràng, chính xác và kịp thời theo đúng quy định.
- Công ty đã chấp hành chế độ chính sách kế toán theo đúng quy định của nhà nước, cũng như đã thực hiện việc lưu trữ các tài liệu kế toán một cách khoa học, gọn gàng, đúng thời hạn quy định về việc lưu trữ.
- Hệ thống tài khoản thống nhất và hệ thống chứng từ kế toán dùng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến các nghiệp vụ mua hàng được sử dụng đúng chế độ kế toán tạo điều kiện hạch toán chính xác, đầy đủ, kịp thời quá trình mua hàng.

2.3.2. Về phân công nhiệm vụ

- Công ty có đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm trong nghề, thành thạo công việc và có tinh thần trách nhiệm cao.
- Nhìn chung tổ chức cơ cấu bộ phận kế toán của Công ty phù hợp với tình hình kế toán thực tế tại Công ty. Kế toán trưởng phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp.

2.3.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

- Công ty đã ứng dụng phần mềm kế toán Vietda, hàng ngày kế toán sẽ tiến hành nhập liệu vào phần mềm và sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ kế toán, từ đó giúp cho việc hạch toán và thực hiện đối chiếu sổ sách được thuận lợi hơn.

CHƯƠNG III: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH QUÝ DANH NGHĨA

3.1. Những điểm giống và khác nhau giữa lý thuyết và thực tiễn về kế toán mua hàng và phải trả người bán

3.1.1. Những điểm giống nhau

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Quý Danh Nghĩa, em nhận thấy rằng Công ty giữa lý thuyết và thực tiễn về kế toán mua hàng và phải trả người bán không có nhiều sự khác biệt. Về cơ bản kế toán đã tiến hành lập chứng từ, sử dụng các tài khoản, nhập liệu và đối chiếu sổ sách trong các nghiệp vụ mua hàng và phải trả người bán đúng như quy trình.

3.1.2. Những điểm khác nhau

Khi học lý thuyết phải áp dụng rất nhiều công thức tính toán nhưng trong thực tế, dưới sự hỗ trợ của phần mềm kế toán thì chỉ việc nhập liệu vào và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ kế toán theo như khai báo chương trình.

3.2. Bài học kinh nghiệm của bản thân khi thực hiện kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH Quý Danh Nghĩa

3.2.1. Về kiến thức

- Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Quý Danh Nghĩa, không chỉ vận dụng được những kiến thức đã học mà em còn được trau dồi, học hỏi thêm nhiều kiến thức thực tiễn hơn nữa về nghề kế toán, cụ thể là chuyên đề “ Kế toán mua hàng và phải trả người bán” mà em đang nghiên cứu. Từ đó em nhận ra rằng, lý thuyết luôn đi đôi với thực hành, để có thể trở thành một nhân viên kế toán giỏi, em không chỉ cần nắm chắc những kiến thức đã học mà còn phải áp dụng nó một cách linh hoạt vào thực tế.

3.2.2. Về kỹ năng

- Khi thực hiện kế toán mua hàng và phải trả người bán tại Công ty TNHH Quý Danh Nghĩa, em nhận thấy rằng bản thân cần trau dồi hơn nữa những kỹ năng như làm việc nhóm, sử dụng thành thạo các công cụ Excel, phần mềm kế toán... để từ đó giúp công việc được thuận lợi, suôn sẻ hơn.

3.2.3. Về thái độ

- Để trở thành một nhân viên kế toán giỏi, bên cạnh những kỹ năng và kiến thức cần thiết thì thái độ cũng là một yếu tố vô cùng quan trọng. Em cần rèn luyện, trau dồi thái độ cẩn trọng, tỉ mỉ, trung thực, khách quan.

3.3. Đề xuất, kiến nghị với nhà trường khi tổ chức giảng dạy

- Qua ba năm học tập và rèn luyện tại trường Cao đẳng Thương Mại, với sự chỉ bảo và giảng dạy nhiệt tình của quý thầy cô, em được tiếp thu những kiến thức và kỹ năng cần thiết. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại mà em xin phép được góp ý kiến với nhà trường để mong rằng sau này trường sẽ cho sinh viên có một môi trường học tập tốt hơn.

- + Về cơ sở vật chất: trang thiết bị trong phòng máy tính nên được nâng cấp sửa chữa vì máy rất hay gặp lỗi và điều đó khiến chúng em gặp trở ngại trong lúc thực hành.
- + Nhà trường nên tổ chức nhiều các buổi giao lưu với doanh nghiệp để giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng thực tiễn.

Đà Nẵng, ngày ... tháng 12 năm 2025

Giảng viên hướng dẫn

Sinh viên

Th.S Nguyễn Như Nguyệt

Nguyễn Thị Thanh Tịnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình kế toán doanh nghiệp 1, 2 và 3 khoa Kế Toán – Tài Chính, trường Cao đẳng Thương Mại biên soạn.
- Thông Tư, Quyết Định của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán hiện hành.
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Các tài liệu kế toán của công ty TNHH MTV Quý Danh Nghĩa cung cấp.
- Các thông tin về kế toán trên các trang web internet.